TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: **26 - 02 - 2024**
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Đăng Thanh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Huy Toàn**

Bà **Lê Thị Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Bích** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Mỹ Ngân** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 729/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31/01/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thanh Ph**, sinh năm 1975; Địa chỉ: thôn Phú Nghĩa, xã Ninh Đông, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Trịnh Thị Th**, sinh năm 1976; Địa chỉ: thôn Tuân Thừa, xã Ninh Bình, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Ph trình bày:* ông và bà Trịnh Thị Th tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Đông, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, cãi nhau nhiều lần lý do bà Th hay ghen tuông vô cớ nên vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ tháng 6/2023 đến nay bà Th đã bỏ về nhà mẹ sinh sống và hiện nay mạnh ai nấy sống không quan tâm đến nhau tình cảm không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà Trịnh Thị Th.

Về con chung: Ông và bà Th có 02 con chung là Nguyễn Trịnh Hòa P, sinh năm: 2001 và Nguyễn Vịnh N, sinh năm: 2004. Các cháu đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trịnh Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình trốn tránh không có mặt nên không có bản tự khai và không tiến hành hòa giải được.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tại phiên tòa sơ thẩm:*

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ph được ly hôn với bà Th.

Về con chung: Ông và bà Th có 02 con chung là Nguyễn Trịnh Hòa P, sinh năm: 2001 và Nguyễn Vịnh N, sinh năm: 2004. Các cháu đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Ph không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Ông Ph phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trịnh Thị Th được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên căn cứ khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Th là có căn cứ.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Ph yêu cầu giải quyết ly hôn, con chung trong vụ án hôn nhân và gia đình đối với bị đơn cư trú tại thôn Tuân Thừa, xã Ninh Bình, thị xã Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N.

[2] Về nội dung vụ án: ông Nguyễn Thanh Ph và bà Trịnh Thị Th tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Đông, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01 cấp ngày 10/8/2000 vì vậy Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, cãi nhau nhiều lần lý do bà Th hay ghen tuông vô cớ nên vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ tháng 6/2023 đến nay bà Th đã bỏ về nhà mẹ sinh sống và hiện nay mạnh ai nấy sống không quan tâm đến nhau và tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà Trịnh Thị Th. Mặc khác, bà Th được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là không thể hiện sự thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử thấy rằng

tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp và thỏa đáng.

[3] Về con chung: Ông Ph và bà Th có 02 con chung Nguyễn Trịnh Hòa P, sinh năm: 2001 và Nguyễn Vịnh N, sinh năm 2004 đã trưởng thành.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Thanh Ph không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: ông Nguyễn Thanh Ph phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 2, Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Thanh Ph được ly hôn với bà Trịnh Thị Th.

Về con chung: Ông Ph và bà Th có 02 con chung Nguyễn Trịnh Hòa P, sinh năm: 2001 và Nguyễn Vịnh N, sinh năm 2004 đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: ông Nguyễn Thanh Ph không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí: ông Nguyễn Thanh Ph phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0001534 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Ông Ph đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- UBND xã Ninh Đông, GCNKH số 27 ngày 01 ngày 10/8/2000;
- CCTHADS thị xã N;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Đăng Thanh